UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 12 tháng 9 năm 2017

web.

KẾT QUẢ THI VIẾT

Môn thi: Một số vấn đề về LLĐCS&LSĐCS Việt Nam
Lớp: TCLLCT - HC A135(TX Chí Linh)
Ngày thi: 16 / 6 /2017
Tổng số : 74 học viên; đủ đk 74 hv; dự thi 72 hv (vắng 02)
Giám thị coi thi: GT1 Trần.T.Lan Anh; GT2 Nghiêm Thị Hà

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Đỗ Thị Biên	24/02/1975.				vắng
2	Nguyễn Văn Bông	16/11/1985.	LS_{135} - 1	8-	tám	
3	Đặng Đức Cường	18/11/1987.	LS_{135} - 2	6,5	sáu rưỡi	
4	Nguyễn Thành Chung	13/10/1973.	LS_{135} - 3	7	bảy	
5	Trần Thị Kim Chuyên	13/08/1983.	LS_{135}- 4	7,5	bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Dung	16/04/1989.	LS_{135} - 5	7	bảy	
7	Hoàng Văn Dũng	12/11/1980.	LS_{135} - 6	6	sáu	
8	Nguyễn Duy Đức	12/07/1983.	LS_{135}- 7	7,5	bảy rưỡi	
9	Đồng Thị Giang	04//11/1981.	LS_{135} - 8	7,5	bảy rưỡi	
10	Nguyễn Thị Hương Giang	17/8/1982.	LS_{135}- 9	8,5	tám rưỡi	
11	Phạm Trường Giang	23/09/1984.	LS_{135} - 10	7,5	bảy rưỡi	
12	Nguyễn Thị Thu Hà	25/7/1986.	LS_{135} - 11	8	tám	
13	Mạc Văn Hải	04/09/1970.	LS_{135} - 12	7	bảy	
14	Nguyễn Thị Hạnh	02/08/1979.	LS_{135}- 13	8	tám	
15	Nguyễn Thị Hằng	09/09/1971.	LS_{135}- 14	8	tám	
16	Phương Đình Hậu	04/09/1986.	LS_{135} - 15	7,5	bảy rưỡi	
17	Bùi Thị Hiên	12/12/1979.	LS_{135} - 16	8	tám	
18	Nguyễn Thị Thanh Hoa	19/01/1982.	LS_{135} - 17	8	tám	
19	Trần Thị Thúy Hoàn	10/06/1979.	LS_{135} - 18	7,5	bảy rưỡi	
20	Vũ Đình Hoành	04/02/1971.	LS_{135} - 19	8,5	tám rưỡi	
21	Nguyễn Văn Hòe	04/02/1969.	LS_{135}- 20	7,5	bảy rưỡi	
22	Hoàng Thị Hồng	13/07/1978.	LS_{135} - 21	8,5	tám rưỡi	
23	Bùi Minh Huệ	26/05/1977.	LS_{135} - 22	7,5	bảy rưỡi	
24	Nguyễn Mạnh Hùng	10/03/1980.	LS_{135} - 23	7,5	bảy rưỡi	

Người vào điểm:.....Nguyễn Thị Trinh.

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
25	Nguyễn Tiến Hùng	21/09/1973.	LS_{135} - 24	7,5	bảy rưỡi	
26	Nguyễn Trọng Hùng	23/11/1982.	LS_{135}- 25	7,5	bảy rưỡi	
27	Vũ Mạnh Hùng	23/01/1980.	LS_{135} - 70	6	sáu	
28	Đặng Quang Huy	21/06/1990.	LS_{135} - 26	7	bảy	
29	Trần Hưng	07/10/1983.	LS_{135} - 27	8	tám	
30	Vũ Đức Hưng	16/05/1972.	LS_{135}- 28	7	bảy	
31	Nguyễn Thị Thu Hương	25/08/1980.	LS_{135} - 29	8	tám	
32	Dương Thị Hường	19/08/1985.	LS_{135} - 30	8,5	tám rưỡi	
33	Dương Thu Hường	12/10/1984.	LS_{135} - 31	7	bảy	
34	Dương Thị Ngọc Lan	02/03/1978.	LS_{135} - 32	7,5	bảy rưỡi	
35	Bùi Trọng Lâm	18/10/1978.	LS_{135} - 33	7	bảy	
36	Trần Thị Lập	30/11/1975.	LS_{135} - 34	8	tám	
37	Đồng Bá Long	24/5/1983.	LS_{135}- 71	7 -	bảy	
38	Vũ Xuân Long	24/05/1983.	LS_{135} - 35	7,5	bảy rưỡi	
39	Phan Thị Bích Lợi	20/08/1977.	LS_{135} - 36	8	tám	
40	Dương Thị Mát	11/11/1979.	LS_{135} - 37	8	tám	
41	Phạm Hương Mến	22/09/1982.	LS_{135} - 38	8	tám	
42	Dương Đức Minh	10/12/1976.	LS_{135} - 39	7,5	bảy rưỡi	
43	Trần Thị Nga	14/03/1984.				vắng
44	Vũ Thị Ngọc	02/10/1977.	LS_{135}- 40	8	tám	
45	Vũ Mạnh Nguyên	11/04/1990.	LS_{135}- 41	7,5	bảy rưỡi	
46	Vũ Văn Nho	12/06/1967.	LS_{135}- 42	6	sáu	
47	Nguyễn Thị Nhung	04/11/1983.	LS_{135} - 43	8	tám	
48	Nguyễn Văn Phúc	27/06/1984.	LS_{135}- 44	8	tám	
49	Đào Văn Phương	20/10/1981.	LS_{135} - 45	6	sáu	
50	Trần Thị Phương	18/09/1989.	LS_{135}- 46	7	bảy	
51	Nguyễn Đức Quảng	11/05/1986.	LS_{135} - 47	7,5	bảy rưỡi	
52	Nguyễn Văn Quỳnh	13/05/1981.	LS_{135} - 48	6,5	sáu rưỡi	
53	Đỗ Văn San	21/07/1990.	LS_{135} - 49	7	bảy	
54	Mạc Văn Tăng	23/08/1982.	LS_{135} - 50	7	bảy	
55	Vũ Thị Tâm	26/09/1988.	LS_{135} - 51	7	bảy	
56	Phương Văn Toàn	10/09/1982.	LS_{135} - 52	7	bảy	
57	Nguyễn Thị Tú	27/09/1974.	LS_{135} - 53	7,5	bảy rưỡi	
58	Nguyễn Xuân Tú	28/10/1976.	LS_{135} - 54	6,5	sáu rưỡi	
59	Nguyễn Quốc Tuấn	01/10/1967.	LS_{135} - 55	7	bảy	

Người vào điểm:.....Nguyễn Thị Trinh.

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
60	Hoàng Văn Tưởng	13/06/1985.	LS_{135} - 56	7	bảy	
61	Trần Văn Thắng	05/01/1980.	LS_{135} - 57	7	bảy	
62	Nguyễn Văn Thép	20/11/1972.	LS_{135} - 58	8	tám	
63	Trần Văn Thế	04/04/1962.	LS_{135} - 59	7	bảy	
64	Phan Doãn Thuần	10/02/1982.	LS_{135} - 60	6,5	sáu rưỡi	
65	Cao Văn Thuận	03/07/1978.	LS_{135} - 61	7	bảy	
66	Nguyễn Thị Chung Thủy	28/03/1975.	LS_{135} - 62	6-	sáu	
67	Dương Thị Hồng Thúy	29/10/1981.	LS_{135} - 72	8 -	tám	
68	Phương Thị Thư	21/09/1973.	LS_{135} - 63	7	bảy	
69	Nguyễn Thị Thương	31/05/1985.	LS_{135} - 64	7,5	bảy rưỡi	
70	Triệu Thị Vân	04/08/1982.	LS_{135} - 65	7-	bảy	
71	Hà Thị Hải Yến	03/11/1976.	LS_{135} - 66	8	tám	
72	Mạc Thị Yến	07/01/1987.	LS_{135} - 67	7,5	bảy rưỡi	
73	Nguyễn Thị Yến	02/03/1989.	LS_{135} - 68	7,5	bảy rưỡi	
74	Nguyễn Thị Hải Yến	15/11/1984.	LS_{135} - 69	7,5	bảy rưỡi	

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

Ths. Đỗ Thị Lan **Ths. Đặng Thị Hương** **Ts. Lê Xuân Huy**

Người vào điểm:.....Nguyễn Thị Trinh.